

**BIỂU MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH
NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 08/2004/TT-BTC ngày 09/02/2004
của Bộ Tài chính).*

Số thứ tự	Độ dài thời gian của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật	Mức thu phí (đồng/chương trình, vở diễn)
1	đến 50 phút	300.000
2	51 - 100 phút	600.000
3	101 - 150 phút	900.000
4	trên 150 phút	900.000 + Mức phí tăng thêm

Trong đó:

- Mức phí tăng thêm được xác định như sau: từ phút 151 trở đi cứ 25 phút tăng thêm (nếu không đủ thì làm tròn) thời lượng của chương trình, vở diễn thì cộng thêm 150.000 đồng.

- Mức thu phí thẩm định chương trình nhạc không lời, múa, bằng 50% mức phí quy định theo độ dài thời gian chương trình, vở diễn nêu tại biểu trên.

- Mức thu phí thẩm định các chương trình, vở diễn có mục đích từ thiện, nhân đạo bằng 50% mức phí quy định theo độ dài thời gian chương trình, vở diễn nêu tại biểu trên.

- Các chương trình, vở diễn có những vấn đề cần phải sửa chữa, thẩm định lại thì mức thu phí thẩm định chương trình, vở diễn lần sau bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu./.

BỘ THƯƠNG MẠI

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Thương mại số 125/2004/
QĐ-BTM ngày 06/02/2004 về
việc ban hành Quy chế làm
việc của Bộ Thương mại với cơ
quan báo chí.**

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

*Căn cứ Luật Báo chí ngày 28 tháng 12
năm 1989, Luật sửa đổi, bổ sung một số
điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6
năm 1999;*

*Căn cứ Nghị định số 51/2002/NĐ-CP
ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo
chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Báo chí;*

Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 1 năm 2004 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Bộ Thương mại với cơ quan báo chí.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Thủ trưởng

Đỗ Như Đính

QUY CHẾ làm việc của Bộ Thương mại với cơ quan báo chí

(ban hành kèm theo Quyết định số 125/2004/QĐ-BTM ngày 06/02/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về chế độ làm việc của Bộ Thương mại với cơ quan báo chí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Thương mại khi làm việc với cơ quan báo chí, kể cả cơ quan báo chí thuộc Bộ Thương mại.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ được hiểu là Văn phòng Bộ và các Vụ, Cục thuộc cơ quan Bộ Thương mại;
2. Cơ quan báo chí được hiểu theo quy định tại Điều 11 Luật Báo chí;
3. Cơ quan báo chí thuộc Bộ Thương mại là cơ quan báo chí mà Bộ Thương mại là cơ quan chủ quản theo quy định tại Điều 12 Luật Báo chí.

Chương II

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA BỘ THƯƠNG MẠI VỚI CƠ QUAN BÁO CHÍ

Điều 4. Phân công chỉ đạo việc cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí

Bộ trưởng phân công một đồng chí Thứ trưởng trực tiếp chỉ đạo các đơn vị thuộc cơ quan Bộ trong việc cung cấp các thông tin liên quan đến việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Bộ Thương mại và là người phát ngôn của Bộ với các cơ quan báo chí.

Điều 5. Đầu mối cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí

1. Văn phòng Bộ là đơn vị đầu mối của Bộ Thương mại trong việc cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí. Tất cả các thông tin liên quan đến việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Bộ Thương mại cung cấp cho cơ quan báo chí đều phải được thực hiện thông qua Văn phòng Bộ.

2. Các đơn vị khác thuộc cơ quan Bộ được cung cấp thông tin liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình cho cơ quan báo chí. Trong trường hợp đặc biệt khi được Lãnh đạo Bộ ủy quyền, đơn vị thuộc cơ quan Bộ có thể cung cấp thông tin liên quan đến việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Bộ Thương mại nhưng phải thống nhất với Văn phòng Bộ về các thông tin cung cấp cho cơ quan báo chí.

Điều 6. Giá trị thông tin do Văn phòng Bộ cung cấp

Thông tin liên quan đến việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Bộ

Thương mại do Văn phòng Bộ cung cấp cho cơ quan báo chí là thông tin chính thức của Bộ Thương mại, được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng Bộ trong việc cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí

1. Đầu mối cung cấp các thông tin quy định tại Điều 8 Quy chế này cho cơ quan báo chí khi xét thấy cần thiết và khi có yêu cầu của cơ quan báo chí.

2. Tổ chức họp báo định kỳ hoặc đột xuất để cung cấp các thông tin quy định tại Điều 8 Quy chế này cho cơ quan báo chí.

3. Giúp Lãnh đạo Bộ xem xét việc trả lời phỏng vấn của cơ quan báo chí trong và ngoài nước. Trường hợp đơn vị thuộc cơ quan Bộ được giao giúp Lãnh đạo Bộ trả lời phỏng vấn của cơ quan báo chí trong và ngoài nước thì đơn vị đó phải thống nhất với Văn phòng Bộ về các thông tin thuộc nội dung trả lời phỏng vấn.

4. Từ chối trả lời những vấn đề không thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Thương mại và không phù hợp với các quy định của Quy chế này.

5. Cải chính hoặc làm rõ thêm những thông tin liên quan đến việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Bộ Thương mại.

Điều 8. Nội dung thông tin cung cấp cho cơ quan báo chí

Các thông tin được phép cung cấp cho cơ quan báo chí bao gồm:

1. Các thông tin liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Thương mại theo quy định của pháp luật.

2. Chương trình công tác và chương trình hành động của Bộ Thương mại để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực thương mại, đặc biệt là các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Thương mại.

4. Quan điểm và ý kiến giải quyết của Lãnh đạo Bộ đối với các vấn đề quan trọng, đột xuất trong ngành thương mại được dư luận xã hội quan tâm.

5. Các lĩnh vực công tác khác của Bộ Thương mại mà Lãnh đạo Bộ xét thấy cần và cho phép công bố với cơ quan báo chí.

Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc cơ quan Bộ trong việc cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các đơn vị thuộc cơ quan Bộ có quyền và nghĩa vụ cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí theo quy định của Luật Báo chí và theo các quy định của Quy chế này.

2. Khi cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí, các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Thương mại phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước và những văn bản quy định chi tiết thi hành, đặc biệt là các văn bản quy định về bí mật Nhà nước trong ngành thương mại.

b) Điều 10 Luật Báo chí, Điều 5 Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí về những điều không được thông tin trên báo chí.

c) Nghị định số 67/CP ngày 31 tháng 10 năm 1996 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 10. Phối hợp giữa các đơn vị thuộc cơ quan Bộ với Văn phòng Bộ trong việc cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí

Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có trách nhiệm phối hợp và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Văn phòng Bộ trong việc cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí theo quy định tại Quy chế này.

Chương III

**XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TỔ CHỨC
THỰC HIỆN**

Điều 11. Xử lý vi phạm

1. Cán bộ, công chức của Bộ Thương mại vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, nếu gây ra thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan báo chí khi làm việc với Bộ Thương mại vi phạm các quy định của Luật Báo chí thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Thương mại thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chủ quản báo chí đối với cơ quan báo chí thuộc Bộ theo quy định của Luật Báo chí.

2. Văn phòng Bộ, các đơn vị thuộc cơ quan Bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Thứ trưởng

Đỗ Như Đỉnh

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CHỈ THỊ của Thống đốc Ngân hàng
Nhà nước số 03/2004/CT-NHNN
ngày 09/02/2004 về việc cho vay
vốn đối với nông, lâm trường
quốc doanh.**

Nông, lâm trường quốc doanh là loại hình doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp, đã và đang tiến hành tổ chức lại sản xuất, có nhiều đóng góp tích cực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Trong thời gian qua, các tổ chức tín dụng cho vay vốn đối với các nông, lâm trường quốc doanh và các hộ công nhân nhận khoán (dưới đây gọi tắt là nông, lâm trường và các hộ nhận khoán) phù hợp với việc tổ chức lại sản xuất, tạo điều kiện cho các nông, lâm trường chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, rừng, hình thành các vùng chuyên canh nông, lâm sản gắn với chế biến, xuất khẩu và giải quyết việc làm cho người lao động ở nông thôn.

Tuy nhiên, hoạt động tín dụng ngân hàng đối với các nông, lâm trường còn gặp một số trở ngại: vốn tự có của các nông, lâm trường ít và việc tổ chức lại sản xuất tiến hành chậm; hiệu quả sản